

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 08/2024/TLPT-LĐ ngày 12/7/2024 về việc “*tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”. Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 23/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐ-PT ngày 13/8/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Tổ C, ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Trương Thị Mỹ N**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Tổ C, ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương** (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024). Bà **N** có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH B; địa chỉ: **Lô B, đường C, CN7-CN12, khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1984, địa chỉ: **Khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương** và bà **Lê Thị Hồng H1**, sinh năm 1986, địa chỉ: **ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Cùng địa chỉ liên hệ: **lô B, đường CN5, CN7-**

CN12, khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024). Ông H và bà H1 vắng mặt.

2. Ông Thái Thanh H2, địa chỉ: Văn phòng L, đường số E, tổ A, khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 03/7/2024). Ông H2 có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: Văn phòng Luật sư Thái Thanh H2, đường số E, tổ A, khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông K vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Ngày 01/12/2021, ông Vũ Văn T và Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là Công ty) ký kết Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-TC0204 với thời hạn 01 năm, từ ngày 01/12/2021 đến 30/11/2022; ông T làm tại bộ phận FG Line, chức danh: Tổ trưởng, công việc phải làm: thực hiện các công việc theo đúng chức năng nhiệm vụ của mô tả công việc và các công việc khác theo yêu cầu của lãnh đạo công ty; tiền lương cơ bản là 6.000.000 đồng, tiền chuyên cần 400.000 đồng, tiền xăng xe 2.000.000 đồng, tiền điện thoại 1.000.000 đồng, phụ cấp nhà ở 3.000.000 đồng, tiền thưởng năng suất 3.600.000 đồng. Lương hàng tháng thực lãnh là 16.000.000 đồng.

Sau khi hết thời hạn hợp đồng, ông T vẫn làm việc bình thường tại Công ty, đến 16 giờ ngày 02/12/2022, Công ty thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông T và giao giấy hẹn lương có nội dung hẹn ông T đến Công ty nhận lương vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 15/12/2022. Theo quy định của Bộ luật Lao động nếu hết thời hạn hợp đồng lao động mà người lao động vẫn còn làm việc tại Công ty thì Công ty phải ký hợp đồng lao động mới. Thời hạn hợp đồng lao động giữa Công ty và ông T hết từ ngày 01/12/2022, nhưng sau đó ông T vẫn làm việc bình thường tại Công ty, nhưng Công ty thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là trái quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B phải trả các khoản tiền sau:

- Thanh toán tiền thưởng năm, tương đương bằng một tháng lương là 16.000.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo khoản 3 Điều 41 Bộ luật Lao động là 16.000.000 đồng x 02 tháng = 36.000.000 đồng.

- Trả tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc, tính từ ngày 03/12/2022 đến ngày 03/5/2024 là 17 tháng, cụ thể: 16.000.000 đồng x 17 tháng = 272.000.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty TNHH B phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T tính từ ngày 03/12/2022 đến ngày 03/5/2024 là 17 tháng với mức lương đồng bảo hiểm là 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Vũ Văn T yêu cầu Công ty TNHH B phải thanh toán là 308.000.000 đồng.

** Trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Công ty và ông Vũ Văn T có ký Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-TC0204 ngày 01/12/2021 với thời hạn 01 năm, từ ngày 01/12/2021 đến 30/11/2022; ông T làm tại bộ P, chức danh: Tổ trưởng, công việc phải làm: thực hiện các công việc theo đúng chức năng nhiệm vụ của mô tả công việc và các công việc khác theo yêu cầu của lãnh đạo công ty; tiền lương cơ bản là 6.000.000 đồng, tiền chuyên cần 400.000 đồng, tiền xăng xe 2.000.000 đồng, tiền điện thoại 1.000.000 đồng, phụ cấp nhà ở 3.000.000 đồng, tiền thưởng năng suất 3.600.000 đồng. Lương hàng tháng thực lãnh là 16.000.000 đồng.

Do kinh tế khó khăn, thời hạn hợp đồng lao động với ông T đã hết nên ngày 02/12/2022, Công ty đã ra Thông báo số 01/2022/TB HĐLĐ chấm dứt hợp đồng lao động với ông T, cùng ngày Công ty đã giao phiếu hẹn trả lương cho ông T. Ngày 15/12/2022, Công ty đã trả đủ tiền lương cho ông T theo quy định. Ngày 03/12/2022, Công ty ban hành Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số TC0204 đối với ông T, ngày 10/01/2023 ông T đến Công ty nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nêu trên và T2. Công ty chấm dứt hợp đồng lao động đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20, Điều 45 Bộ luật Lao động, do đó Công ty không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T.

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH B phải bồi thường cho nguyên đơn ông Vũ Văn T tổng số tiền 308.000.000 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Vũ Văn T trong những ngày ông T không được làm việc tại công ty từ ngày 03/12/2022 đến ngày 03/5/2024, với mức lương 6.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn T về việc không yêu cầu Công ty TNHH B nhận ông T trở lại làm việc.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông T buộc Công ty TNHH B phải thanh toán tiền thưởng năm, tương đương bằng một tháng lương là 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm thanh toán, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/5/2024, bị đơn nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên các ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Có căn cứ xác định người sử dụng lao động đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và phải bồi thường cho người lao động. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính mức lương làm căn cứ bồi thường bao gồm tất cả những khoản trợ cấp là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tính lại mức lương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”, bị đơn có trụ sở tại **huyện B** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, nguyên đơn được miễn án phí nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xác định quyết định của bản án sơ thẩm về việc “Không chấp nhận yêu cầu của ông **T** buộc **Công ty TNHH B** phải thanh toán tiền thưởng năm, tương đương bằng một tháng lương là 16.000.000 đồng” không có kháng cáo, kháng nghị nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Luật sư và 02 người đại diện của bị đơn là ông **Nguyễn Hoàng H** và bà **Lê Thị Hồng H1** đã được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư và 02 người đại diện của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-TC0204 ngày 01/12/2021 được ký kết giữa Công ty và ông **Vũ Văn T** có thời hạn 01 năm, từ ngày 01/12/2021 đến ngày 30/11/2022. Căn cứ khoản 6 Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó*”. Như vậy, thời điểm kết thúc thời hạn của hợp đồng lao động là vào lúc hai mươi tư giờ của ngày 30/11/2022. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì sau khi kết thúc thời hạn của hợp đồng lao động,

nguyên đơn vẫn còn làm việc thêm 2 ngày là ngày 01/12/2022 và 02/12/2022, đã được Công ty ghi nhận trong Giấy hẹn trả lương: “Ngày công tháng 12/2022 tổng 2 ngày” và “ngày thôi việc: 02/12/2022”.

[2.2] Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Bộ luật Lao động năm 2019: “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; trong thời gian chưa ký kết hợp đồng lao động mới thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của hai bên được thực hiện theo hợp đồng đã giao kết;”. Công ty không ký hợp đồng lao động mới mà vẫn để ông **Vũ Văn T** tiếp tục làm việc thì được xem như quan hệ lao động mới đã được xác lập với những điều kiện như hợp đồng lao động đã giao kết trước đó. Đến chiều ngày 02/12/2022, Công ty mới thông báo cho ông **T** nghỉ việc và đến ngày 03/12/2022 ban hành Quyết định số: TC0204 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông **T** là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Ngoài ra, trong Quyết định số: TC0204, Công ty **C** nêu căn cứ chấm dứt hợp đồng lao động “Xét đề nghị nghỉ việc của Ông/bà: **Vũ Văn T**” và “Lý do: có việc riêng” là không có căn cứ, vì thực tế ông **T** không có đơn xin nghỉ việc.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và phải bồi thường các khoản là đúng, nhưng xác định mức lương bồi thường 16.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Theo Hợp đồng lao động, tiền lương cơ bản: 6.000.000 đồng là cố định, các khoản trợ cấp khác gồm có: tiền chuyên cần, phụ cấp xăng xe, phụ cấp điện thoại, phụ cấp nhà ở, tiền thưởng năng suất là những khoản hỗ trợ và khi người lao động trực tiếp tham gia lao động tại Công ty thì mới xác định được sự chuyên cần, năng suất lao động, nhu cầu liên lạc, đi lại và sinh hoạt. Ngoài ra, khi khai báo đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho ông **T**, Công ty cũng chỉ đóng bảo hiểm trên số tiền lương cơ bản 6.000.000 đồng; ông **T** có biết nhưng không phản đối và chấp nhận mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Về thời gian bồi thường, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cũng chỉ có thể tính thêm thời hạn hợp đồng lao động cho ông **T** là 01 năm, từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/12/2023, tương thích với hợp đồng lao động đã ký trước đó là 1 năm.

[2.4] Do đó, các khoản bồi thường được tính lại như sau:

- 02 tháng tiền lương do Công ty không nhận người lao động trở lại làm việc: 6.000.000 đồng x 2 tháng = 12.000.000 đồng;

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc, tính từ ngày 03/12/2022 – 01/12/2023: 11 tháng và 24 ngày: 6.000.000 đồng x 11 tháng và 24 ngày = 71.538.461 đồng;

Cộng 02 khoản: 83.538.461 đồng.

[2.5] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho ông **T** đến ngày 03/5/2024 nhưng không buộc ông **T** phải đóng phần nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội của người lao động là cũng không phù hợp với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại mức lương làm căn cứ bồi thường là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc: “Không chấp nhận yêu cầu của ông **T** buộc **Công ty TNHH B** phải thanh toán tiền thưởng năm, tương đương bằng một tháng lương là 16.000.000 đồng” không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, không phải chịu án phí phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị sửa một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 161, Điều 282, Điều 293, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 20, 39 và 41 Bộ luật Lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn **Công ty TNHH B**; Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 02/2024/LĐ-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Vũ Văn T** đối với bị đơn **Công ty TNHH B** như sau:

- Tuyên bố Quyết định số TC0204 ngày 03/12/2022 của **Công ty TNHH B** về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông **Võ Văn T1** là trái pháp luật.

- Buộc **Công ty TNHH B** phải bồi thường cho ông **Võ Văn T1** các khoản với số tiền: 83.538.461 đồng.

Kể từ ngày ông **Võ Văn T1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **Công ty TNHH B** không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì ngoài khoản tiền phải thi hành, **Công ty TNHH B** còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Buộc **Công ty TNHH B** đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho người lao động phần của người sử dụng lao động và trích khoản tiền bồi thường nêu trên để đóng bảo hiểm xã hội phần của người lao động theo quy định của pháp luật từ ngày 03/12/2022 đến ngày 01/12/2023 trên mức lương 6.000.000 đồng/tháng.

2. Về án phí lao động:

- Nguyên đơn ông **Vũ Văn T** được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.
- Bị đơn **Công ty TNHH B** phải chịu án phí sơ thẩm: 2.505.000 đồng; không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003780 ngày 24/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LD, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Lực